TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 3 - 2026
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Huỳnh Sinh

Bà Cao Thị Thu Thủy

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Mạnh Long - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 308/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Đình K, sinh năm 1971 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố B, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Đình K tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau vào năm 1996. Sau đó, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường Đ, tỉnh Khánh Hòa) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 23 tháng 5 năm 2003.

Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống tại nhà riêng do gia đình chồng cho. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng vẫn hạnh phúc. Năm 2013, ông K ngoại tình, trong lúc bà đi làm xa ông K đã đưa người phụ nữ khác về nhà. Từ đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và bà đã nộp đơn ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Năm 2024, ông K quen một người

phụ nữ khác, vợ chồng lại tiếp tục cãi vã và ông K đã bỏ đi. Hiện nay ông K đang làm việc tại địa chỉ số A Cảng ICD P, đường T, T, thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng bà không gặp nhau, không đặt vấn đề hàn gắn. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn nên bà xin được ly hôn với ông Lê Đình K.

- Về con chung: Bà và ông Lê Đình K có 03 con chung tên Lê Đình Nguyễn T, sinh ngày 01/11/1996; Lê Đình Nguyễn T1, sinh ngày 25/6/2001; Lê Đình Nguyễn T2, sinh ngày 25/6/2001. Hiện nay, các con chung đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 18/12/2025, bị đơn ông Lê Đình K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn xin ly hôn đơn phương của bà Nguyễn Thị N với ông thì ông đồng ý. Trong thời gian sống với nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, đôi bên không nhận thức được cái sai của bản thân mình. Gần đây, bà N có chủ động làm đơn ly hôn và bỏ nhà ra đi trong lúc ông đi làm xa nhà. Việc bà N làm đúng hay sai với lương tâm, pháp luật trước khi ly hôn thì bà N tự biết. Trong thời gian vắng nhà, ông được biết bà N có cặp với nhân tình nhưng mọi chuyện không rõ ràng. Nay bà N đã quyết định làm đơn ly hôn thì ông đồng ý với yêu cầu này của bà N.

Về con chung: Vợ chồng ông có 03 con chung tên Lê Đình Nguyễn T, sinh ngày 01/11/1996; Lê Đình Nguyễn T1, sinh ngày 25/6/2001; Lê Đình Nguyễn T2, sinh ngày 25/6/2001. Hiện nay, các con chung đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp, tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Lê Đình K.

+ Về con chung: Các con chung đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Lê Đình K. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp ly hôn*" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú ở phường Đ, tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hoà theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân; Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực.

[1.2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và bị đơn ông Lê Đình K có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn: Xét cuộc hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Lê Đình K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường Đ, tỉnh Khánh Hòa) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 23 tháng 5 năm 2003, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chuẩn bị xét xử bà N, ông K đều khẳng định cuộc sống hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà N và ông K đồng ý ly hôn.

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Lê Đình K.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung gồm Lê Đình Nguyễn T, sinh ngày 01/11/1996; Lê Đình Nguyễn T1, sinh ngày 25/6/2001; Lê Đình Nguyễn T2, sinh ngày 25/6/2001. Hiện nay, các con chung đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Bà N, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Khánh Hòa tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân; Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực.

Căn cứ vào Điều 51, 53, 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Đình K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004196 ngày 09/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. H lại cho bà Nguyễn Thị N 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền chênh lệch.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 5 – Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND phường Đô Vinh, Khánh Hòa;
(GCNKH số 56, quyển số 01/2003 ngày 23/5/2003);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Dung